

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2025

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Màu;

Ông Nguyễn Văn Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A tổ H ấp B, xã T, thành phố Hồ Chí Minh. (Địa chỉ cũ là Số A tổ H ấp B, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh)

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm: 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ là Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 15/6/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Chị và anh T1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 22/7/2012, hiện cháu K đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T1 dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng dân sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn T1; Về con chung: giao cháu Lê Hoàng K, sinh ngày 22/7/2012 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Lê Văn T1 dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với anh T1 nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh T1 có nơi cư trú tại xã A, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 15/6/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng chị và anh T1 chung sống hạnh phúc đến năm

2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Chị và anh T1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh T1 thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy anh T1 đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 22/7/2012, hiện cháu K đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, sau khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Ngoài ra cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, vì vậy việc giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tiến trình B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh T1 không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001744 ngày 22/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp). Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Lê Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh

